1. advise somebody to do something: Khuyên ai đó để làm gì đó.

=> Cảnh sát đang khuyên người dân phải ở nhà.

Bị động: SB be advised to do st: ai đó được khuyên làm gì đó.

2. for futher information: để biết thêm thông tin

3. a project/partner search: nghiên cứu của dự án/đối tác

4. the enclosed envelope: cái phong bì được đính kèm

5. a complimentary cleaning service: dịch vụ vệ sinh/đánh bóng miễn phí

6.beautiful as it was the day: đẹp như lúc ban đầu

7. a reduced rated: đơn giá nhỏ nhất/giá được giảm

8. accompany the product: đi kèm với sản phẩm

9. for more information: để biết thêm thông tin

10. timekeeper: người chấm công

11. incentive completion report: báo cáo chấm công

12. an affective speaker: diễn giả có ảnh hưởng

13. smart and self-aware: thông minh và hiểu bản thân

14. already be outdated: đã lỗi thời

15. diffused throughout an industry: khuếch tán/đi vào thị trường công nghiệp

16. posting and browsing for books: đăng tải và xem qua những cuốn sách

17. complimentary one-year subscription: miễn phí một năm đặt báo

18. get to know sb: làm quen được với ai

19. events regularly: sự kiện thường niên

20. conduct performance appraisals: tiến hành đánh giá hiệu suất (hiệu suất như làm việc của nhân viên)

21. hire additional staff: thuê nhân viên bổ sung

22. get permission: nhận sự cho phép

23. no later than: không muộn hơn

24. launch an advertising campaign: đưa ra/ tung ra chiến dịch quảng cáo

25. super jet: máy bay phản lực

26. the price reform bill: dự thảo cải cách giá cả

27. a substantial increase: gia tăng đáng kể

28. seclecting candidates: chọn ứng cử viên

29. for your convenience: để thuận tiện cho bạn

30. The best employment opportunities: Những cơ hội việc làm tốt nhất

31. thoroughly researched responses to: nghiên cứu kỹ lưỡng để phản hồi

32. a temporary discount: tạm thời hạ giá

33. distance learner: người học ở xa

34. logistical problems những vấn đề về hậu cần

35. facilitates two-way communication channels: tranh bị kênh giao tiếp 2 chiều.

36. pertinent information: thông tin thích hợp

38. results of the investigation: kết quả của cuộc điều tra

39. within ten business days: trong vòng 10 ngày làm việc

40. significant increase in revenue: tăng đáng kể trong doanh thu

41. as far as: xa tận, cho tận đến

42. in order to diversify: để đa dạng hóa

43. The portmark on the parcel: Dấu mộc trên cái bưu kiện

44. not certain enough to: không đủ chắc chắn để

45. technology solutions: những giải pháp kỹ thuật

46. track shipment: theo dõi những hàng gửi

47. the head of judicial affairs: bộ tư pháp

48. very long but very informative: rất dài nhưng thông tin rất hữu ích

49. every time of day: mọi thời điểm trong ngày

50. create clear images: tạo ra những hình ảnh rõ ràng

51. have trouble/hard time/ difficulty + Ving: gặp khó khăn khi làm gì (cụm had difficuty adjusting khó khăn trong việc thích nghi)

52. an annual series of musical performances: một chuỗi/loạt buổi biểu diễn âm nhạc.

53. assume a title: đảm nhiệm một chức danh/ vị trí

54. director of quality assurance quản lý chất lượng

55. member of their immediate family: thành viên thân thiết của gia đình của họ

56. provide free professional and confidential counseling services: cung cấp miễn phí dịch vụ tư vấn đáng tin và chuyên nghiệp

57. Help St/sb V­0­: giúp đỡ ai đó/cái gì đó làm gì đó (cụm help crops flourish giúp mùa màng phát triển tốt)

58. cold climates: khí hậu lạnh

59. be likely to: có khả năng

60. a commercial delegation: một phái đoàn thương mại

61. prospective investors: những nhà đầu tư tiềm năng

62. developing contigency plans: phát triển dự án bất ngờ

Nếu bạn đã ghi và học đủ tới day 4 mình soạn thì mình xin chúc mừng, bạn đã chiếm 80% kiên trì việc học (không ai đủ kiên nhẫn để làm 1 việc khó khăn, đây cũng 1 yếu tố giúp bạn tiếp cận mục tiêu và target, hãy làm những việc khó mà ít ai làm và sau đó sẽ chứa 1 kết quả rực rỡ). Các cụm này được đúc kết từ việc làm đề, mỗi ngày mình làm 1 part 5 tương ứng 40 câu, các cụm mình soạn ra đa phần cụm đáp án trong đề (có cả ngữ pháp + từ vựng part 5) nên bạn nào chăm chỉ học đầy đủ thì việc làm Part 5 sẽ trở nên dễ dàng và được 1 lượng từ vựng lớn, dễ thấm thông qua việc học theo cụm từ.

Giờ thì tiếp tục quay lại ôn lại các bài cũ mình đã soạn (hãy tranh thủ mọi thời gian rãnh để xem lại có thể, sự hoàn hảo chỉ xuất hiện khi số lần luyện tập đủ nhiều.